

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI



ĐỖ THỊ KIM HOA

**VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
TRONG QUÁ TRÌNH NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CỦA NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC TỪ 1992 ĐẾN NAY
NHỮNG GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Mã số: 5. 02. 12

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2006

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI VIỆN KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. LÊ VĂN SANG

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

2. TS. NGUYỄN VĂN TÂM

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước

Họp tại Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

176 Thái Hà - Hà Nội

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2006

Có thể tìm luận án tại:

Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

Thư viện quốc gia Hà Nội

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đỗ Thị Kim Hoa (2001), “Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: Thách thức, trở ngại và giải pháp”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 335, tháng 03, tr.3-4, tr.18.
2. Đỗ Thị Kim Hoa (2001), “Đồng Nai- Điểm sáng về Đầu tư nước ngoài”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 338, tháng 06, tr.27-28.
3. Một số giải pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang Mỹ khi Hiệp định thương mại Việt Mỹ có hiệu lực. Đề tài cấp bộ năm 2001. (Thành viên tham gia đề tài)
4. Đỗ Thị Kim Hoa (2005), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong phát triển kinh tế Trung Quốc” *Tạp chí Kinh tế Châu á- Thái Bình Dương*, số 24 (68) – tháng 06, tr.16-22.
5. Đỗ Thị Kim Hoa (2005), “Năng lực cạnh tranh của Trung Quốc và vai trò của FDI”, *Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới*, số 7 (111), tháng 07 , tr.23-34.
6. Đỗ Thị Kim Hoa (2005), “Năng lực cạnh tranh và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ở Việt nam”, *Tạp chí Kinh tế Châu á- Thái Bình Dương*, số 49 (92), tháng 12, tr. 12-21.
7. Đỗ Thị Kim Hoa (2005), “Thu hút và sử dụng FDI ở Trung Quốc: Cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Kinh tế Châu á- Thái Bình Dương*, số 51 (95), tháng 12, tr. 14-20.

MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một tất yếu khách quan, bắt nguồn từ xu hướng tự do hoá đầu tư, liên kết kinh tế quốc tế. Mặt khác sự phát triển công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin, càng thúc đẩy sự phát triển FDI. Ở nhiều quốc gia, FDI đã được xem như là chiếc chìa khoá của sự tăng trưởng và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Thông qua hoạt động FDI, các nước đang phát triển có thể tiếp nhận công nghệ hiện đại, tiếp thu kinh nghiệm quản lý tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và khả năng cạnh tranh của sản phẩm..., từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Ngay cả những nước có trình độ phát triển cao như Mỹ, Nhật, EU ... FDI cũng đóng vai trò to lớn trong phát triển, tăng trưởng kinh tế và không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Hiện nay, phần lớn các dòng vốn FDI vẫn lưu chuyển trong nội bộ các nước phát triển nhất. Như chúng ta đều biết, nguồn cung vốn đầu tư của thế giới hiện nay là hữu hạn, nhưng nhu cầu về vốn đầu tư ở tất cả các quốc gia đều rất lớn và vượt xa các nguồn cung cấp. Do vậy, các quốc gia đã và đang cạnh tranh quyết liệt để thu hút nguồn vốn này. Quốc gia có sức hấp dẫn dòng vốn FDI thường là quốc gia có khả năng cạnh tranh kinh tế cao hơn và sự hoạt động mạnh mẽ của FDI lại tác động tích cực đến việc cải thiện khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Từ năm 1978, Trung Quốc đã thực hiện cải cách và mở cửa hợp tác sâu rộng với các nước trên thế giới nhằm huy động vốn đầu tư để phát triển kinh tế. Nhờ cải cách và mở cửa, FDI vào Trung Quốc đã tăng lên rất nhanh và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP, góp phần quyết định đưa Trung Quốc trở thành một quốc gia có tiềm lực kinh tế hùng mạnh. Theo Liên Hợp Quốc, Trung Quốc là nước đứng đầu trong các nước đang phát triển về mặt thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI trong công cuộc cải cách và hiện đại hoá kinh tế.

Đặc biệt, sau chuyến đi thăm các tỉnh phía Nam của Ông Đặng Tiểu Bình năm 1992 và sau Đại hội Đảng Cộng Sản Trung Quốc lần thứ XIV, Trung Quốc chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN mang đặc sắc

Trung Quốc. Vì vậy, dòng FDI chảy vào Trung Quốc tăng đột biến so với thời kỳ trước đó. Trong thời gian 2002 - 2004, Trung Quốc là nước đứng đầu thế giới trong lĩnh vực thu hút FDI và hoạt động FDI đã tác động tích cực đến quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc.

Đối với nước ta, khả năng cạnh tranh kinh tế còn yếu kém, việc thu hút và sử dụng FDI càng trở nên quan trọng hơn đối với quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Đứng trước tình hình đó, chúng ta cần tìm những giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ thu hút FDI và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn quan trọng này nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh kinh tế. Do đó, việc tham khảo kinh nghiệm thu hút và sử dụng FDI của Trung Quốc, một nước có điều kiện xã hội và thể chế kinh tế tương đồng với Việt Nam nhưng đã rất thành công trong hoạt động thu hút và sử dụng hiệu quả dòng vốn FDI sẽ có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

Tình hình nghiên cứu

Đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Trung Quốc là vấn đề quan trọng và có tính thời sự vì vậy đã có rất nhiều tác giả trong nước và nước ngoài quan tâm nghiên cứu. Nhiều nghiên cứu chú trọng tìm hiểu thành tựu của Trung Quốc về hoạt động thu hút FDI, trong khi các nghiên cứu khác phân tích tác động của FDI đối với công cuộc cải cách và phát triển kinh tế. ở đây chúng tôi xin đơn cử một số công trình tiêu biểu: Nguyễn Kim Bảo (1996) với đề tài luận án tiến sĩ “Đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở Trung Quốc từ năm 1979 đến nay” đã đề cập đến hoạt động thu hút FDI ở Trung Quốc; Chu Công Phùng (1994) với “Kinh tế Trung Quốc sau 15 năm cải cách và mở cửa”; Nguyễn Minh Hằng (Luận án tiến sĩ năm 1995) “Cải cách kinh tế ở Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”; Nguyễn Ngọc Diên và các tác giả (1996) “Đầu tư trực tiếp của các công ty xuyên quốc gia ở các nước đang phát triển”. Những nghiên cứu trên và các nghiên cứu của một số tác giả khác đã đề cập tới những vấn đề như: Cơ sở của FDI, các chính sách và biện pháp thu hút FDI, thực tiễn về tác động của FDI đối với quá trình cải cách kinh tế.

Nhiều nghiên cứu của các tác giả Trung Quốc cũng như nước ngoài cũng đã đề cập tới các vấn đề nghiên cứu kể trên như: OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development, 2000) “Main determinants and impacts of foreign direct investment on China’s economy”; Frank S.T. (2004) “The Chaotic Attractor of Foreign Direct Investment - Why China? A Panel Data Analysis”; Wang Zhile (2004), “Vốn đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc và tác động tích cực của nó, Diễn đàn cải cách kinh tế Việt Nam- Trung Quốc”; Fujita, Mai (2003) “Foreign Direct Investment and Industrialization in Vietnam: New Developments and Remaining Issues”.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào trực tiếp nghiên cứu một cách hệ thống vấn đề vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc từ năm 1992 đến nay.

Mục đích nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các điểm chính sau:

- Hệ thống hoá cơ sở lý thuyết và thực tiễn về FDI và vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.
- Đánh giá vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc từ năm 1992 đến nay.
- Rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thông qua FDI và khả năng vận dụng vào Việt Nam.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Vai trò của FDI đối với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế Trung Quốc là đối tượng nghiên cứu của luận án. Do đó, luận án sẽ tiếp cận vấn đề nghiên cứu hoạt động FDI từ khía cạnh năng lực cạnh tranh kinh tế. Luận án sẽ trả lời các câu hỏi như: Vì sao Trung Quốc thực hiện chính sách mở cửa kinh tế, thu hút FDI? Hoạt động mở cửa đầu tư thu hút FDI diễn ra như thế nào? Vai trò của FDI đối với việc cải thiện năng lực cạnh tranh kinh tế ra sao? Vị trí của việc nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế trong chiến

lược đẩy mạnh hoạt động FDI? Đồng thời, một số vấn đề khác như đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc trong cải cách kinh tế, cũng như trong quá trình thúc đẩy hoạt động FDI sẽ được luận án đề cập thảo luận nhằm làm rõ thêm đối tượng nghiên cứu của luận án. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, luận án chỉ lựa chọn các lý thuyết FDI chủ yếu làm cơ sở cho chính sách mở cửa đầu tư của Trung Quốc, cũng như chỉ tìm hiểu những khía cạnh nhất định của chính sách mở cửa đầu tư và động thái FDI có liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Luận án chỉ đề cập đến vai trò của FDI đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là vai trò của FDI đối với một số chỉ tiêu năng lực cạnh tranh quốc gia của Trung Quốc có ý nghĩa tham khảo đối với Việt Nam.

Tuy phạm vi nghiên cứu là vai trò của FDI đối với việc nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế Trung Quốc, nhưng luận án cũng sẽ tập trung hơn vào các vấn đề có ý nghĩa tham khảo, học tập nhiều hơn đối với Việt Nam trong công cuộc mở cửa kinh tế, thúc đẩy quá trình thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI trong sự nghiệp hiện đại hoá và phát triển kinh tế.

Về phạm vi thời gian, luận án chủ yếu đề cập đến thời kỳ từ năm 1992 đến nay. Thời điểm này đánh dấu việc Trung Quốc chuyển mạnh sang xây dựng thể chế kinh tế thị trường, thúc đẩy hơn nữa quá trình cải cách, mở cửa kinh tế, thu hút các nguồn lực bên ngoài nhằm đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên luận án cũng đề cập đến giai đoạn từ khi bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa đến năm 1992 để làm rõ hơn vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế Trung Quốc.

Phương pháp nghiên cứu

Luận án nghiên cứu vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với năng lực cạnh tranh kinh tế dưới góc độ của chuyên ngành Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế, có sử dụng các phương pháp: duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Đồng thời, luận án đặc biệt coi trọng phương pháp phân tích -hệ thống-tổng hợp - thống kê - so sánh và sử dụng phương pháp này xuyên suốt luận án. Cụ thể, để đánh giá vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy mở cửa kinh tế, luận án sử dụng phương pháp so sánh xem xét sự biến động cùng chiều giữa dòng FDI và sự tăng trưởng kinh tế, sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch thương mại giữa các thời kỳ, giữa các ngành, các vùng. Luận án đã sử dụng kết quả của một số nghiên cứu có sử dụng phương pháp kinh tế lượng khi phân tích tác động của FDI đối với tăng trưởng GDP. Kết quả các nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu đã được sử dụng trong phân tích tác động của FDI đối với năng lực công nghệ kỹ thuật và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đóng góp của luận án

Đề tài nghiên cứu thiết thực và cập nhật đã có một số đóng góp sau:

- Hệ thống hoá và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài, về thực hiện chiến lược thu hút và sử dụng FDI ở Trung Quốc.
- Đánh giá có hệ thống vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc từ năm 1992 đến nay
- Trên cơ sở những thành công và hạn chế trong hoạt động FDI ở Trung Quốc, luận án rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong chiến lược thu hút và sử dụng FDI có hiệu quả nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế.

Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc

Chương 2. Vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc từ năm 1992 đến nay

Chương 3. Kinh nghiệm của Trung Quốc và gợi ý đối với Việt Nam

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐỐI VỚI NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC

Chương này tập trung phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn có liên quan đến quan điểm và chính sách thu hút và sử dụng FDI nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc. Phần cơ sở lý luận được trình bày ở các tiết 1.1 và 1.2, phần cơ sở thực tiễn trình bày trong tiết 1.3.

1.1. Một số vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư trực tiếp nước ngoài

Luận án trình bày một số lý thuyết là cơ sở cho nhận thức và đường lối chính sách của Trung Quốc nhằm thúc đẩy hoạt động FDI, tăng cường vai trò của FDI đối với việc cải thiện năng lực cạnh tranh kinh tế. Cụ thể là: lý thuyết Lợi nhuận cận biên, lý thuyết Chu kỳ sản phẩm, lý thuyết Tổ chức công nghiệp, lý thuyết Nội hoá, lý thuyết mô hình “Đàn nhạn bay” của Akamastu, lý thuyết Mô hình OLI của Dunning.J.H, và lý thuyết về Các bước phát triển của đầu tư.

Luận cứ quan trọng cho quan điểm đẩy mạnh hoạt động FDI dựa vào lợi thế so sánh của một quốc gia rộng lớn và đông dân nhưng kinh tế kém phát triển được thể hiện rõ trong các lý thuyết lợi nhuận cận biên, lý thuyết chu kỳ sản phẩm, lý thuyết mô hình OLI của Dunning.J.H. Vấn đề trung tâm trong chiến lược đẩy mạnh hoạt động FDI là nâng cao vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế, cũng như coi đó là yếu tố quan trọng hấp dẫn dòng vốn FDI được thể hiện trong các lý thuyết như: lý thuyết Tổ chức công nghiệp, lý thuyết Nội hoá, lý thuyết Mô hình “Đàn nhạn bay” của Akamastu, lý thuyết Mô hình OLI của Dunning.J.H, lý thuyết về Các bước phát triển của đầu tư. Đồng thời, các lý thuyết trên cũng là căn cứ cho định hướng phát triển công nghiệp và dịch vụ phụ trợ hiện nay của Trung Quốc, coi đó là hướng quan trọng thúc đẩy hoạt động FDI để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ kỹ thuật, là bước đi cần thiết để hội nhập kinh tế quốc tế, là hướng đi quan trọng nhằm cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao hơn nữa vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế.

1.2. Môi quan hệ giữa hoạt động FDI và năng lực cạnh tranh kinh tế

Trong tiết này, luận án phân tích mối quan hệ qua lại giữa hoạt động FDI và năng lực cạnh tranh kinh tế nhằm làm rõ cơ sở cho quan điểm và đường lối thúc đẩy hoạt động FDI, đồng thời nâng cao vai trò của FDI trong phát triển kinh tế.

1.2.1. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

Luận án sử dụng khái niệm, cách phân loại và các chỉ tiêu chủ yếu về năng lực cạnh tranh kinh tế của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF). Tuy nhiên, phân tích chỉ đề cập đến năng lực cạnh tranh quốc gia làm cơ sở cho sự phân tích ở các tiết sau. Năng lực cạnh tranh quốc gia là năng lực của nền kinh tế đạt được sự tăng trưởng cao và bền vững, thu hút đầu tư, bảo đảm ổn định kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, bảo đảm tiến bộ xã hội được phản ánh ở các chỉ tiêu: mức độ tăng trưởng và mở cửa của nền kinh tế, vai trò của chính phủ, quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, nguồn lao động, thể chế kinh tế và hệ thống tài chính – tiền tệ, kết cấu hạ tầng, công nghệ. Đó là các chỉ tiêu phản ánh những khía cạnh khác nhau của năng lực cạnh tranh quốc gia.

1.2.2. Mối quan hệ tác động qua lại giữa hoạt động FDI và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

Luận án đã chỉ rõ vai trò của FDI không những tác động đến quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế hiện tại mà còn tạo ra các nhân tố cho sự tăng trưởng, phát triển kinh tế, và nâng cao sức cạnh tranh quốc gia trong tương lai. Luận án cũng phân tích ảnh hưởng của năng lực cạnh tranh kinh tế đến hoạt động đầu tư và thúc đẩy hoạt động FDI. Sức mạnh cạnh tranh của một quốc gia tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Các chỉ tiêu biểu hiện năng lực cạnh tranh quốc gia đồng thời là các yếu tố tạo nên môi trường đầu tư hấp dẫn. Mặt khác, hoạt động có hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, đồng thời tác động trực tiếp cải thiện các chỉ tiêu phản ánh sức mạnh của nền kinh tế.

1.3. Quan điểm của Trung Quốc về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vai trò của FDI đối với nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế

Trong mục này, trước khi phân tích sự chuyển biến về quan điểm, chính sách thúc đẩy hoạt động FDI và nâng cao vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế, luận án đã phân tích cơ sở thực tiễn thu hút và sử dụng FDI ở Trung Quốc. Luận án cho rằng Trung Quốc đã vận dụng xu hướng vận động của dòng FDI thế giới phù hợp với tình hình kinh tế xã hội Trung Quốc.

1.3.1. Tất yếu khách quan của việc đẩy mạnh hoạt động FDI ở Trung Quốc

Luận án đã phân tích xu hướng vận động của dòng FDI trên thế giới và bối cảnh kinh tế xã hội trong nước làm luận cứ cho sự phân tích những thay đổi quan niệm của Trung Quốc đối với hoạt động FDI và vai trò của FDI qua các thời kỳ. Phân tích chỉ đề cập đến các xu hướng vận động của dòng FDI có ảnh hưởng đến quan niệm và chính sách mở cửa đầu tư của Trung Quốc. Phân tích đồng thời chỉ rõ bối cảnh trong nước như: hậu quả của mô hình kinh tế kế hoạch tập trung và chính sách đóng cửa nền kinh tế đã thúc đẩy cải cách và mở cửa kinh tế năm 1978. Yêu cầu phát triển kinh tế phù hợp xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và sự gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) là yếu tố quyết định những thay đổi của chiến lược và chính sách mở cửa đầu tư từ năm 1992 đến nay của Trung Quốc.

1.3.2. Quá trình thay đổi nhận thức của Trung Quốc về FDI và vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế

Trong phần này, luận án đã đề cập đến thay đổi quan niệm về FDI, vai trò của FDI, khẳng định một trong những nguyên nhân tạo nên sức hấp dẫn của Trung Quốc đối với dòng vốn FDI và nâng cao vai trò của FDI là sự nhận thức xu thế của hoạt động FDI, chủ động có chiến lược thúc đẩy hoạt động FDI phù hợp với xu thế thời đại. Một số thay đổi nhận thức về FDI có ý nghĩa quan trọng như: Chiến lược thu hút FDI từng bước thích ứng với năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và tình hình kinh tế xã hội; Kết hợp thúc đẩy hoạt

động FDI với cải cách kinh tế; Đẩy mạnh hoạt động FDI là biện pháp quan trọng hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế.

1.3.3. Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách và biện pháp thúc đẩy hoạt động FDI ở Trung Quốc

Trong phần này, luận án đã đề cập đến quá trình quán triệt ba quan điểm chủ yếu đã nêu trên trong chính sách mở cửa đầu tư.

Về cơ chế chính sách, luận án đã nghiên cứu quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách theo một số tiêu chí như: cải cách vấn đề sở hữu và hệ thống luật pháp; chính sách phát triển ngành; chính sách phát triển vùng; chính sách khuyến khích đầu tư; các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động FDI. Trước hết, về sở hữu và hệ thống pháp luật, phân tích tập trung vào sự hoàn thiện hệ thống luật đầu tư nước ngoài và hệ thống luật bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư nước ngoài như: luật bảo vệ cạnh tranh, luật sở hữu trí tuệ, và hiệp định khuyến khích bảo hộ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư. Trong thời kỳ từ năm 1992 đến nay, thể chế quản lý hoạt động FDI từ chỗ dựa trên sự quản lý hành chính đã chuyển sang dựa vào cơ chế thị trường. Chính sách phát triển kinh tế tư nhân cũng được đề cập đến như là nhân tố xúc tác sự hoạt động cơ chế thị trường và hoàn thiện hơn môi trường cạnh tranh.

Chính sách phát triển ngành và phát triển vùng đã được đề cập trong phân tích nhằm minh chứng cho chính sách chú trọng về chất lượng trong sử dụng FDI. Trọng tâm thu hút FDI của Trung Quốc được đặt vào các ngành có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, công nghiệp và dịch vụ phụ trợ, các ngành hướng về xuất khẩu thay vì thu hút FDI để giải quyết vấn đề thiếu vốn và việc làm. Chính sách thu hút FDI của Trung Quốc đã chú trọng khai thác vị trí vùng ven biển phía Đông, chuyển dịch sang vùng lãnh thổ phía Tây và miền Trung để bảo đảm chiến lược phát triển toàn diện các vùng kinh tế, khắc phục hậu quả

của sự phát triển chênh lệch giữa miền Đông và các vùng lãnh thổ còn lại.

Về chính sách khuyến khích đầu tư, luận án chỉ tập trung phân tích khái lược chính sách thuế và chính sách hỗ trợ đầu tư. Chính sách ưu đãi thuế được phân tích theo các khía cạnh phục vụ phương hướng đẩy mạnh hoạt động FDI của đất nước như: theo ngành, theo khu vực, khuyến khích tái đầu tư, khuyến khích xuất khẩu.

Về các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho FDI, phân tích đã đề cập đến các vấn đề như: Giảm những quy định hạn chế về ngoại tệ, tỉ lệ nội địa hoá, quy định hạn chế về xuất khẩu; Phân cấp quản lý FDI cho địa phương được coi là một trong các biện pháp giảm bớt phiền hà cho nhà đầu tư nước ngoài; Phát triển các dịch vụ phục vụ đầu tư nhằm giảm tối đa chi phí cho các nhà đầu tư tiềm năng.

Về biện pháp thúc đẩy hoạt động FDI, luận án đã tập trung phân tích các vấn đề như: cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư; thành lập các khu kỹ thuật công nghệ cao, khu kinh tế kỹ thuật quốc gia và đặc khu kinh tế.

CHƯƠNG 2

VAI TRÒ CỦA FDI ĐỐI VỚI NĂNG LỰC CẠNH TRANH KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC TỪ 1992 ĐẾN NAY

Nội dung chương này tập trung phân tích vai trò của FDI đối với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế Trung Quốc. Tuy vậy, để làm rõ mục đích nghiên cứu, luận án đã nêu khái lược hoạt động FDI từ năm 1992 đến nay nhằm minh chứng sự chú trọng về mặt chất trong quá trình thu hút FDI. Khái lược hoạt động FDI được trình bày trong tiết 2.1, vai trò của FDI được trình bày trong tiết 2.2.

2.1. Tổng quan hoạt động FDI từ năm 1992 đến nay

Hoạt động thu hút FDI của Trung Quốc được thực hiện từ cuối năm 1978, nhưng sau năm 1992 hoạt động này mới trở nên sôi động và có sự chuyển biến căn bản về chất so với thời kỳ trước. Sự thay đổi của hoạt động FDI từ năm 1992 đến nay thể hiện qua hai giai đoạn: 1992-2000 và từ năm 2001 đến nay. Sau khi khái quát những đặc điểm hoạt động FDI, luận án đã minh chứng đặc điểm nổi bật của hoạt động FDI của Trung Quốc từ năm 1992 đến nay là chuyển trọng tâm từ số lượng sang chú trọng chất lượng dòng vốn FDI vào Trung Quốc, biểu hiện: Sự gia tăng dòng vốn FDI ở mức cao; Thu hút có lựa chọn nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế dài hạn; Từng bước mở cửa đầu tư toàn diện, đa phương và đa lĩnh vực.

2.1.1. Quy mô FDI tăng nhanh

Hoạt động của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc từ năm 1992 có nhiều thay đổi lớn như: tốc độ tăng trưởng hàng năm của FDI, quy mô dự án đầu tư và tỉ lệ thực hiện vốn FDI tăng cao hơn so với thời kỳ 1978-1991.

2.1.2. Thu hút FDI có lựa chọn nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế dài hạn

Từ sau năm 1992, do năng lực cạnh tranh kinh tế, môi trường kinh doanh Trung Quốc được cải thiện đáng kể và kinh nghiệm của chính sách mở cửa kinh tế thử nghiệm ở giai đoạn trước năm 1992, nên Trung Quốc đã thực hiện thu hút FDI có chọn lọc nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế dài hạn. Cụ thể là: Chú trọng thu hút FDI có hàm lượng công nghệ cao và thu hút FDI bảo đảm sự phát triển cân đối giữa các vùng lãnh thổ; Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực R&D tăng liên tục; Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào công nghiệp chế tạo, công đoạn chế tạo linh kiện bộ phận tăng nhanh, đặc biệt là chế tạo linh kiện bộ phận chủ chốt. Từ năm 1992, Trung Quốc đã nỗ lực cải thiện tình trạng FDI đầu tư tập trung vào miền Đông Trung Quốc nhằm tiếp tục thu hút FDI và phát huy tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế dài

hạn. Chiến lược thu hút FDI vào các vùng miền khác nhau nhằm thu hút FDI vào Trung Quốc tiếp tục tăng nhanh về số lượng và nâng cao về chất lượng. Đối với miền Đông, Trung Quốc chú trọng thu hút công nghệ nguồn từ FDI nhằm hình thành trung tâm các ngành công nghệ cao, trung tâm tài chính, trung tâm giao dịch của khu vực châu Á.

2.1.3. Từng bước mở cửa đầu tư toàn diện, đa phương và đa lĩnh vực

Phân tích đã chứng minh sự mở cửa đầu tư toàn diện, đa phương và đa lĩnh vực hơn từ sau năm 1992 đến nay. Trước đây lĩnh vực dịch vụ chưa mở cửa đầu tư, FDI chủ yếu có nguồn gốc từ các nền kinh tế mới công nghiệp hoá trong khu vực, như Hồng Kông, và FDI chủ yếu đầu tư vào các ngành công nghiệp có hàm lượng lao động cao. Từ năm 1992 đến nay, FDI được mở cửa ngày càng toàn diện hơn, kể cả đối với lĩnh vực dịch vụ, tỷ trọng FDI có nguồn gốc từ các nước phát triển tăng nhanh và tỷ trọng FDI vào các ngành công nghiệp và dịch vụ có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao liên tục tăng nhanh. Hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài và hiện tượng mua lại và sáp nhập (M&A) chiếm vị trí quan trọng thúc đẩy thu hút FDI có công nghệ nguồn từ các TNC lớn trên thế giới.

2.2. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc

Những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế gần 30 năm qua của Trung Quốc không chỉ do FDI mà còn do các yếu tố khác, nhưng FDI là nhân tố quan trọng tác động đến quá trình phát triển và hiện đại hoá đất nước. Luận án tập trung phân tích sự tác động tích cực đến năng lực cạnh tranh kinh tế Trung Quốc như: sự tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy mở cửa kinh tế sâu rộng và toàn diện; nâng cao năng lực quản lý kinh doanh của doanh nghiệp Trung Quốc; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế (thể hiện ở khía cạnh thể chế, pháp luật và vai trò của nhà nước trong cải thiện cơ sở hạ tầng), nâng cao năng lực công nghệ kỹ thuật và nguồn nhân lực.

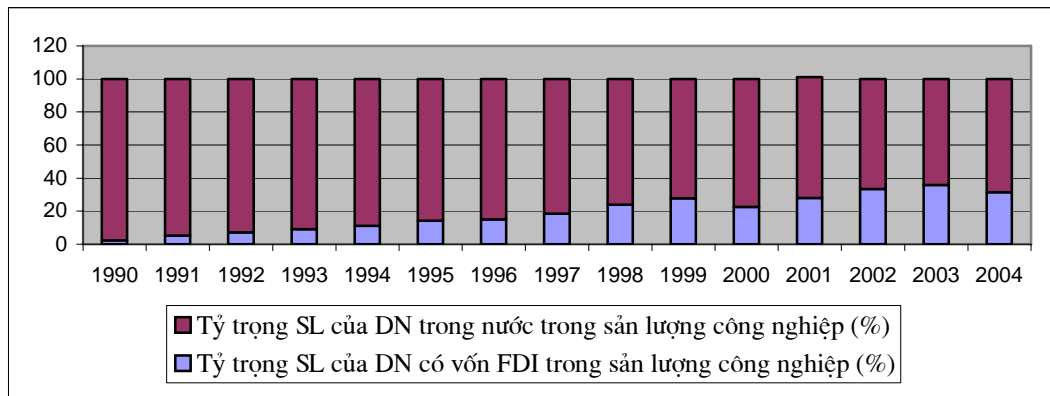
2.2.1. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và mở cửa nền kinh tế

Vai trò của FDI đối với sự tăng trưởng kinh tế được khai thác ở hai khía cạnh: bổ sung vốn đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế. *Thứ nhất*, Trung Quốc luôn trong tình trạng thiếu vốn cho các nhu cầu đầu tư, chính sách mở cửa cải cách kinh tế đã bổ sung nguồn vốn FDI ngày càng lớn: tổng vốn FDI thực tế tăng trưởng nhanh chóng từ 636 triệu USD năm 1983 lên đến 60,63 tỉ USD năm 2004 và 60,33 tỉ USD năm 2005. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp quan trọng vào ngân sách nhà nước: Năm 1992 lượng thuế thu được từ khu vực này khoảng 12,226 tỉ nhân dân tệ (NDT), tăng lên mức 288,3 tỉ NDT năm 2001.

Thứ hai, để phân tích vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế, luận án đã nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tình hình thu hút FDI ở các thời kỳ khác nhau của quá trình thực hiện chính sách mở cửa kinh tế trong phạm vi nền kinh tế, ngành và vùng kinh tế. FDI là nhân tố có tác động đến quá trình tăng lên của năng suất lao động, tức làm gia tăng sản lượng sản xuất. Kết quả một số nghiên cứu sử dụng phương pháp kinh tế lượng đã được sử dụng để minh chứng. Ví dụ, nghiên cứu của Zheng Xiao và Yan Shen (2002) về tác động của FDI và sự tăng trưởng của GDP của Trung Quốc đã kết luận: FDI tăng 1% sẽ làm GDP tăng 0,0485% mỗi năm. Xu hướng vận động của tăng trưởng GDP cùng chiều với xu hướng vận động của dòng vốn FDI được xem xét trên phạm vi nền kinh tế, các ngành và các vùng lãnh thổ. Đó là một trong các yếu tố chứng minh tác động tích cực của FDI đến sự gia tăng GDP và đưa nền kinh tế Trung Quốc đến vị trí lớn thứ 6 trên thế giới về chỉ tiêu GDP. Luận án còn đề cập đến tác động của FDI đến năng suất các yếu tố đầu vào sản xuất. Để phân tích tác động trên, luận án đã sử dụng kết quả của các nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu và phương pháp phân tích kinh tế lượng. Chẳng hạn, nghiên cứu của Bin Xu (2004) đã kết luận: Năng suất tổng hợp các yếu tố (TFP) của loại hình FFE với tỉ lệ cổ phần chi phối thuộc nhà đầu tư nước ngoài tăng trưởng 25,3% cao hơn các

doanh nghiệp nội địa Trung Quốc (1,4%); hay nghiên cứu của Kunrong Shen (1999) đã chỉ rõ cứ mỗi phần trăm tăng thêm của tỉ lệ giữa FDI và GDP sẽ làm cho năng suất các yếu tố tổng hợp tăng 37%.

Luận án cũng đã phân tích về yếu tố sản lượng của khu vực kinh tế có vốn FDI góp phần quan trọng trong tổng sản lượng công nghiệp. Ví dụ, tỉ trọng sản lượng công nghiệp của các FFE năm 1992 là 7,09% tăng đến 31,43% năm 2004 (hình 2.1- tương ứng hình 2.3 trong luận án).

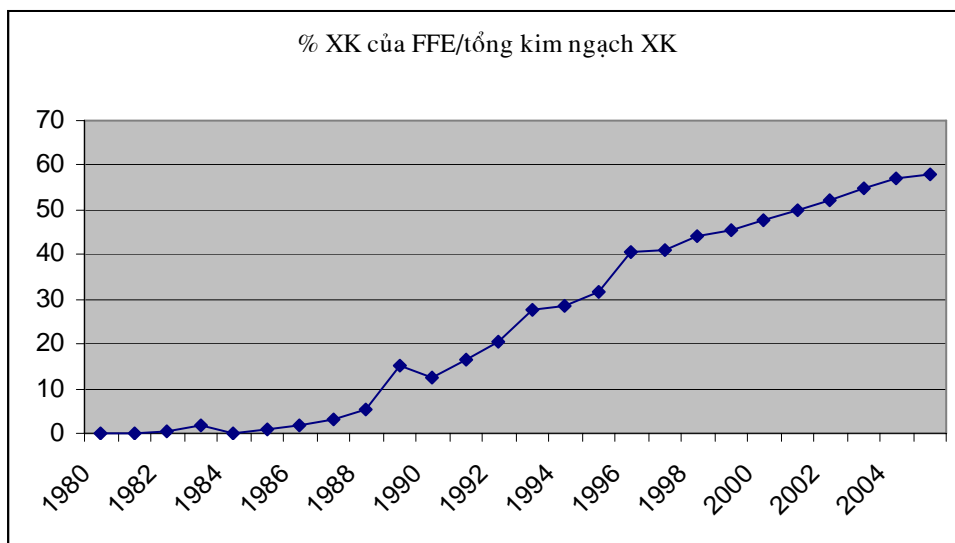


Hình 2.1: Tỷ trọng trong sản lượng công nghiệp

Về vai trò của FDI trong việc thúc đẩy mở cửa kinh tế, luận án đã phân tích vai trò của FDI đối với sự gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, tỉ lệ giữa FDI và GDP, tỉ lệ giữa kim ngạch xuất nhập khẩu hoặc kim ngạch xuất khẩu và GDP, và chỉ số bảo hộ hàng hoá (như thuế suất nhập khẩu). Luận án chứng minh ảnh hưởng của dòng vốn FDI đối với ngoại thương chủ yếu thông qua việc phân tích so sánh số liệu thống kê để kiểm tra sự vận động cùng chiều của biến động về vốn FDI và kim ngạch xuất nhập khẩu của các vùng, của các ngành và của toàn nền kinh tế Trung Quốc trong thời kỳ thực hiện cải cách và mở cửa kinh tế. Đồng thời bằng số liệu thực tế chứng minh sự vận động cùng chiều diễn ra giữa sự biến động của vốn FDI và kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn FDI, sự biến động của tỉ trọng giá trị xuất khẩu trong tổng kim ngạch xuất khẩu trong hai khu vực kinh tế trong nước và khu vực kinh tế có vốn FDI. Vai trò của FDI còn thể hiện ở sự tăng tỉ trọng hàng hoá có giá trị gia tăng cao và hàng hoá công nghệ cao trong tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu.

Xu hướng tăng kim ngạch xuất khẩu thường đi cùng với xu hướng tăng

không ngừng và với tốc độ cao của FDI ở Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn FDI không những tăng nhanh qua các năm mà còn chiếm tỉ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu và tỉ trọng này tăng nhanh (hình 2.2-tương ứng hình 2.5 trong luận án). Nếu tính đến sự liên kết và thực hiện vai trò đầu phụ của các doanh nghiệp vừa và nhỏ cho các doanh nghiệp có vốn FDI, thì vai trò của FDI càng quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu. Luận án còn minh chứng tỉ trọng giá trị xuất khẩu đối với tổng giá trị sản xuất của doanh nghiệp có vốn FDI cao hơn nhiều so với doanh nghiệp trong nước.



Hình 2.2: Tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu (XK) của FFE trong tổng kim ngạch XK

2.2.2. Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về kinh tế

Vai trò của FDI đối với nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về kinh tế được xem xét ở khía cạnh tạo môi trường đầu tư thuận lợi hơn về hai giác độ: môi trường đầu tư “mềm” (hệ thống pháp luật và thể chế) và môi trường đầu tư “cứng” (cơ sở hạ tầng).

Về thể chế kinh tế và hệ thống pháp luật, hoạt động FDI đã đặt yêu cầu và tạo sức ép buộc hệ thống pháp luật phải sửa đổi bổ sung theo hướng phù hợp với hệ thống luật pháp quốc tế, đặt yêu cầu nâng cao hiệu lực của nhà nước trong quản lý kinh tế, trong cung ứng tốt hơn hàng hoá công cộng, thúc đẩy cải cách kinh tế. Luận án chứng minh sự mở cửa đầu tư đã góp phần đáng kể cải thiện hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế. Phân tích sử dụng số liệu so

sánh giữa Trung Quốc và một số quốc gia khác ở một số tiêu chí như: Năng lực của các cơ quan chính quyền, sự kịp thời trong giải quyết các vấn đề phát sinh, chất lượng dịch vụ; Hệ thống quản lý thể hiện sự tuân thủ các quy luật thị trường trong quản lý; Hiệu quả thực hiện luật pháp; Mức độ tham nhũng, mức chi phí bất thường có liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Về việc cải thiện cơ sở hạ tầng, vai trò của FDI được phân tích ở khía cạnh tạo sức ép đối với nhà nước đẩy nhanh đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm tạo môi trường thuận tiện cho đầu tư và cho hoạt động FDI. Luận án đã điểu qua một số tiến bộ về cơ sở hạ tầng như: hệ thống thông tin, giao thông vận tải, và hệ thống cung ứng năng lượng.

2.2.3. Thúc đẩy tiến bộ công nghệ kỹ thuật

Sau khi nêu lên cách thức thực hiện chuyển giao công nghệ từ khu vực kinh tế có vốn FDI, luận án đã nghiên cứu tác động của FDI đối với kết quả quá trình ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao trong sản xuất thông qua cơ cấu sản phẩm sử dụng công nghệ kỹ thuật cao và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển ở Trung Quốc, cũng như sự biến động sản phẩm của hoạt động R&D. FDI là một trong những biện pháp quan trọng nhằm thực hiện chuyển giao công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao trình độ công nghệ quốc gia, Chẳng hạn, có tới 73% chuyển giao công nghệ vào Trung Quốc thời kỳ 1979-1995 được thể hiện thông qua hình thức FDI. Số liệu của nhiều nghiên cứu điều tra chọn mẫu đã chứng minh sự đóng góp to lớn của FDI đối với phát triển năng lực công nghệ kỹ thuật ở Trung Quốc, chẳng hạn như nghiên cứu của Xiaojuan Jiang (2000) và (2004). Đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D).

Bảng 2.1. Ý kiến của các TNC được phỏng vấn về quốc gia hấp dẫn đầu tư R&D, 2005-2009

<i>Quốc gia</i>	<i>%</i>	<i>Quốc gia</i>	<i>%</i>	<i>Quốc gia</i>	<i>%</i>
Trung Quốc	60,9	Anh	13,0	Canada	4,3
Mỹ	40,6	Pháp	8,7	Hàn Quốc	4,3
Ấn Độ	29,0	Đức	5,8	Việt Nam	1,4
Nhật Bản	14,5				

Hiện nay, Trung Quốc là quốc gia thu hút FDI vào lĩnh vực R&D lớn thứ ba trên thế giới. Kết quả điều tra dự báo, Trung Quốc sẽ là nước thu hút FDI vào lĩnh vực R&D lớn nhất (bảng 2.1- tương ứng bảng 2.12 trong luận án). Đồng thời, luận án đã phân tích và kết luận đầu tư R&D cùng với ảnh hưởng tổng hợp khác của FDI đã thúc đẩy phát minh sáng chế cả ở khu vực kinh tế trong nước và khu vực kinh tế có vốn FDI.

2.2.4. Giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Luận án đã phân tích sự tác động trực tiếp và gián tiếp của FDI đến việc tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ví dụ, thông qua tiếp cận với cách thức kinh doanh tiên tiến, công nghệ kỹ thuật hiện đại, thông qua chương trình đào tạo của các TNC hoặc theo chương trình của các trường đại học trong nước và nước ngoài. Mặt khác, nhu cầu nguồn nhân lực cao cấp cho các TNC đầu tư ở Trung Quốc và vị trí của yếu tố chất lượng nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển, chính phủ đã tăng cường đầu tư về giáo dục và dạy nghề cũng như thu hút nhân lực cao cấp từ các cộng đồng Hoa kiều. Số liệu thực tế từ các khía cạnh phân tích trên và số liệu về sự tăng chất lượng nguồn nhân lực đã được sử dụng trong phân tích.

2.2.5. Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh của doanh nghiệp

Để phân tích ảnh hưởng của FDI đến năng lực quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, luận án đã sử dụng số liệu và nghiên cứu sự tác động của FDI đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và với doanh nghiệp nhà nước nói riêng. Luận án cũng nghiên cứu ảnh hưởng của FDI đến số lượng thương hiệu sản phẩm uy tín của doanh nghiệp Trung Quốc trên thị trường quốc tế và khả năng của doanh nghiệp trong nước trong các ngành công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao. Trình độ chiến lược quản lý doanh nghiệp được biểu hiện tổng hợp và rõ hơn khi phân tích xu hướng đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Trung Quốc.

CHƯƠNG 3

KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Chương 3 tổng hợp những gợi ý đối với Việt Nam trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng FDI nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh kinh tế. Xuất phát từ khía cạnh năng lực cạnh tranh, luận án đã phân tích những cơ hội, thách thức và những thành công, hạn chế của Trung Quốc trong lĩnh vực này và liên hệ với Việt Nam để đúc kết kinh nghiệm, bài học cần thiết.

3.1. Cơ hội và thách thức thu hút FDI để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc những năm tới

3.1.1. Cơ hội đối với Trung Quốc

Luận án đã nêu những cơ hội đối với Trung Quốc trong thúc đẩy hoạt động thu hút và nâng cao tác động tích cực của FDI đối với chiến lược phát triển kinh tế. Đó là năng lực cạnh tranh của nền kinh tế ngày càng được nâng lên, môi trường đầu tư Trung Quốc ngày càng được cải thiện, và việc gia nhập WTO.

3.1.2. Những thách thức

Trong thời gian tới, để tiếp tục sử dụng có hiệu quả dòng vốn FDI nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh tế, Trung Quốc phải đối mặt với nhiều thách thức như: Hoạt động FDI chưa tương xứng với tầm vóc của nước lớn; Tác động của FDI trong việc cải thiện cơ cấu kinh tế và cơ sở hạ tầng còn hạn chế; Hệ thống luật pháp còn nhiều yếu kém, thiếu thống nhất và minh bạch; Hiệu lực quản lý kinh tế của nhà nước còn yếu; Hệ thống tài chính chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất; DNNN vẫn giữ vị trí độc quyền và hoạt động của DNNN còn yếu kém, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế; những thách thức nảy sinh từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế chưa được giải quyết.

3.2. Khả năng vận dụng kinh nghiệm về thúc đẩy hoạt động FDI và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam

Luận án đã điếm qua những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam, cũng như so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa Việt Nam và Trung Quốc trong

quá trình đẩy mạnh hoạt động FDI làm cơ sở cho việc tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc.

3.2.1. Thuận lợi và khó khăn đối với Việt Nam trong quá trình thu hút FDI nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế

Luận án phân tích bối cảnh quốc tế, khu vực cũng như trong nước và chiến lược phát triển kinh tế, thu hút FDI nhằm tổng kết khó khăn và thuận lợi của Việt Nam trong thúc đẩy hoạt động FDI. Xu thế toàn cầu hoá, sự liên kết kinh tế giữa các nước trong khu vực vừa tạo ra những thuận lợi đồng thời cũng đặt ra những thách thức cho Việt Nam. Tiềm lực kinh tế Việt Nam yếu kém hơn nhiều nước trong khu vực là thách thức lớn cho chúng ta nếu không có chiến lược phù hợp để thúc đẩy hoạt động FDI trong điều kiện phát triển kinh tế sôi động của khu vực Đông, Đông Nam Á.

3.2.2. Những điều kiện tương đồng và khác biệt giữa Trung Quốc và Việt Nam trong quá trình thu hút FDI nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

Luận án đã phân tích ba khía cạnh sau đây nhằm khái quát những tương đồng và khác biệt giữa hai quốc gia trong quá trình mở cửa đầu tư: Điều kiện địa lý, chính trị, kinh tế, xã hội; Chiến lược và kết quả thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài; Năng lực cạnh tranh kinh tế.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng và là những quốc gia đang phát triển có nhiều điểm tương đồng, có lịch sử gắn bó lâu đời về văn hoá, chính trị và kinh tế như: xuất phát điểm từ nền kinh tế kém phát triển, thực hiện cơ chế kế hoạch tập trung trong công cuộc xây dựng CNXH, có đảng Cộng sản cầm quyền vững mạnh đảm bảo ổn định chính trị và kinh tế, và có nhiều thành tích trong thực hiện cải cách mở cửa nền kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Chiến lược thu hút FDI của cả hai quốc gia đều tập trung khai thác lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh: nguồn lao động chi phí thấp, ngành có hàm lượng lao động cao và công nghệ thấp, công đoạn sản xuất có hàm lượng công nghệ kỹ thuật trung bình. Do vậy, chiến lược thu hút FDI của Việt Nam cần có tính chất bổ sung cho thị trường đầu tư Trung Quốc và các nước láng giềng nhằm khai thác được lợi thế cạnh tranh và khắc phục những bất lợi trong cuộc cạnh tranh thu hút FDI.

Mặt khác, Việt Nam không có những thuận lợi như Trung Quốc trong quá trình thực hiện chính sách thu hút FDI và cải thiện khả năng cạnh tranh kinh tế về các mặt sau: (1). Trung Quốc là một nước lớn có dân số đông nhất thế giới, có tài nguyên thiên nhiên phong phú; (2). Mặt khác, thị trường nội địa lớn là cơ sở để có thể phát triển cơ cấu kinh tế đa ngành hướng nội; (3). Trung Quốc có các vùng lãnh thổ như Hồng Kông, Ma Cao và Đài loan là các vùng kinh tế thị trường khá phát triển và có quan hệ chặt chẽ về thương mại, đầu tư, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ với Trung Quốc và là những cửa ngõ giúp Trung Quốc mở cửa, giao lưu với bên ngoài. Trung Quốc có vùng duyên hải cận kề với các nước công nghiệp phát triển như Nhật Bản và Hàn Quốc; (4). Trung Quốc có lực lượng người Hoa ở nước ngoài có tiềm lực kinh tế mạnh trên thế giới và người Trung Quốc đã có bề dày lịch sử về hoạt động thương mại; (5). Việt Nam thực hiện cải cách mở cửa kinh tế sau Trung Quốc khoảng 10 năm, đó là bất lợi vì chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội đón nhận FDI xuất phát từ quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế ở các nền kinh tế mới công nghiệp hoá châu Á và của các TNC từ các nước phát triển.

Năng lực cạnh tranh kinh tế Trung Quốc tuy còn hạn chế nhiều so với các nước phát triển, nhưng vẫn lớn mạnh hơn nhiều so với Việt Nam. Sự yếu kém của Việt Nam được thể hiện tập trung ở các khía cạnh sau: Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, công nghiệp và dịch vụ phụ trợ còn yếu kém; Khả năng cạnh tranh của các DNNN thấp không những ở thị trường quốc tế mà cả thị trường nội địa; Công nghiệp phụ trợ kém phát triển; Hệ thống Ngân hàng- Tài chính còn yếu kém; Công nghệ và nguồn nhân lực ở trình độ thấp; Hệ thống cơ sở hạ tầng bộc lộ nhiều yếu kém; Thể chế và pháp luật chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, hiệu lực kinh tế của nhà nước yếu kém; Tiềm lực kinh tế thấp và tính cạnh tranh của sản phẩm thấp.

3.2.3. Một số gợi ý đối với quá trình thu hút FDI và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam

Nghiên cứu kinh nghiệm của Trung Quốc và so sánh điều kiện cụ thể của Việt Nam giúp chúng ta có chính sách phù hợp với chủ trương đẩy mạnh hoạt động thu hút FDI nhằm mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng trưởng và phát triển kinh tế. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong quá trình thu hút FDI và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế là bài học quý cho Việt Nam:

- Sự kiên định chính sách cải cách, mở cửa nền kinh tế là yếu tố quyết

định sự thành công của chính sách mở cửa đầu tư vì mục tiêu phát triển kinh tế. Thực hiện chuyển đổi cơ chế kinh tế và phát triển là hai mặt của một quá trình phát triển. Các chính sách, kế hoạch, chiến lược và biện pháp kinh tế phải được xác định trên cơ sở các nguyên tắc của cơ chế thị trường.

- Để bảo đảm thu hút FDI với số lượng lớn và chất lượng cao cũng như sử dụng có hiệu quả dòng vốn FDI chúng ta cần chú trọng các vấn đề sau: (1). Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Cần chú trọng các yếu tố của môi trường đầu tư cả về khía cạnh “phần cứng” và “phần mềm”, bao gồm các yếu tố của cơ sở hạ tầng, môi trường pháp luật, trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và ngành kinh tế; (2). Chú trọng khai thác vùng duyên hải rộng lớn, vùng biên giới thông qua thành lập các khu kinh tế tự do. Cần khai thác hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất. Phát triển công nghiệp, dịch vụ phụ trợ theo hướng: thúc đẩy phát triển công nghiệp chế tạo linh kiện bộ phận, đặc biệt là các linh kiện bộ phận liên quan đến máy móc thiết bị, điện, điện tử để trở thành trung tâm các ngành công nghiệp phụ trợ ở khu vực, thu hút FDI đầu tư vào các ngành hướng về xuất khẩu, các lĩnh vực có tính chất bổ trợ cho các TNC ở Trung Quốc và các nền kinh tế mới công nghiệp hoá ở Châu Á và các nước phát triển trên thế giới; (3). Chính phủ cần tạo điều kiện để thực hiện tốt các khâu như xúc tiến đầu tư và dịch vụ sau đầu tư; (4). Cần có chính sách và thể chế hoá các chính sách trên thực tế để thu hút có hiệu quả nguồn FDI cũng như thu hút nguồn lực từ cộng đồng người Việt ở nước ngoài (5). Trình độ công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định trong chiến lược phát triển của Việt Nam hiện nay. Một mặt nhà nước cần tập trung nỗ lực tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển công nghệ và tạo thị trường lao động rộng lớn cả về quy mô và trình độ, mặt khác chính sách thu hút FDI cần định hướng thu hút và khai thác có hiệu quả nguồn FDI từ các nước phát triển và thu hút công nghệ nguồn để tạo sức mạnh đột biến thực hiện rút ngắn giai đoạn phát triển kinh tế.

- Hiện nay, Chúng ta cần thực hiện mở cửa lĩnh vực dịch vụ (hệ thống thông tin, tài chính, ngân hàng) và hoàn thiện hệ thống pháp luật tạo điều kiện cho đầu tư kinh doanh hoạt động theo cơ chế thị trường vì sự yếu kém của hệ thống công cụ này đã hạn chế sự phát triển kinh tế và hiệu quả hoạt động FDI.

KẾT LUẬN

Các lý thuyết khác nhau về đầu tư trực tiếp nước ngoài đã nghiên cứu nguồn gốc và bản chất cũng như tác động của dòng vốn FDI ở các khía cạnh khác nhau vì cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau. Tuy vậy, nhìn chung các lý thuyết đều thống nhất ở khía cạnh: FDI là hiện tượng tất yếu của xu hướng toàn cầu hoá kinh tế và sự phát triển của cách mạng khoa học công nghệ. Mặc dù có những tác động tiêu cực đối với những lĩnh vực khác nhau trong những hoàn cảnh nhất định đối với nước nhận đầu tư và nước đầu tư nhưng vai trò của FDI đối với sự phát triển kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của các quốc gia là không thể phủ nhận.

Nhận thức về đầu tư trực tiếp nước ngoài và vai trò của FDI đối với năng lực cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc có sự thay đổi về chất từ năm 1992 và đặc biệt từ khi chính thức gia nhập WTO đã đem lại sức sống mới cho hoạt động FDI. Chính sách thu hút và sử dụng FDI của Trung Quốc phù hợp với xu thế vận động của dòng vốn FDI, xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế và điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc đã góp phần đưa Trung Quốc trở thành hiện tượng thần kỳ của thế giới về thành tích thu hút FDI và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế và phát triển kinh tế.

Trung Quốc trở thành nước thu hút FDI lớn nhất thế giới năm 2002. Vai trò của FDI đối với việc cải thiện sức mạnh kinh tế đất nước thể hiện rõ từ sau năm 1992 và đặc biệt là từ sau năm 2001. Nhân tố ảnh hưởng có tính chất quyết định đến thành công trên bao gồm: Sự kiên định chính sách mở cửa cải cách, kết hợp cải cách và mở cửa nền kinh tế, kết hợp phát triển kinh tế đồng thời với quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế; coi trọng kinh tế và sở hữu tư nhân; xác định nâng cao năng lực cạnh tranh vừa là mục đích của chính sách thu hút FDI, vừa là yếu tố tạo ra sức hút dòng vốn FDI; khẳng định môi trường đầu tư (cả “phần cứng” và “phần mềm”) được cải thiện có vai trò quyết định đến sức hút đối với dòng vốn FDI có chất lượng cao hơn và có biện pháp

tích cực trong việc tạo ra môi trường thuận lợi cho đầu tư nước ngoài nhằm nâng cao tác động tích cực của dòng vốn FDI đối với phát triển kinh tế; tập trung sử dụng hai công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế là công cụ pháp luật, thể chế chính sách và công cụ tài chính tiền tệ; coi trọng công tác xúc tiến đầu tư và dịch vụ sau đầu tư.

Chính phủ đã xác định yếu tố công nghệ kỹ thuật và chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố căn bản tạo nên sự thành công của chiến lược phát triển kinh tế và chính sách thu hút và sử dụng FDI. Trung Quốc đã đạt được kết quả khả quan trong việc sử dụng FDI để thực hiện mục tiêu phát triển các nhân tố trên. Đồng thời, bằng nhiều con đường và công cụ khác nhau, Trung Quốc đang nỗ lực phát triển hai yếu tố trên để đạt được trình độ cao hơn trong chiến lược xây dựng xã hội khá giả của Trung Quốc hiện nay.

Trung Quốc đã chuyển từ chiến lược thu hút FDI thụ động trong giai đoạn 1978-1991 sang thu hút FDI chủ động có lựa chọn theo hướng: thu hút FDI từ các nước công nghiệp phát triển, từ các TNC lớn trên thế giới, thu hút FDI có công nghệ nguồn. Mục tiêu phát triển hệ thống dịch vụ và công nghiệp phụ trợ chất lượng cao để trở thành trung tâm sản xuất trên các lĩnh vực của thế giới và khu vực. Trung Quốc đã thực hiện dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển các ngành, các công đoạn sản xuất có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các vùng lãnh thổ về hoạt động thu hút FDI và phát triển kinh tế.

Kinh nghiệm của Trung Quốc về thúc đẩy hoạt động FDI nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam trong quá trình cải cách và mở cửa nền kinh tế nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế. Mặc dù, trong khoảng gần 20 năm thực hiện đổi mới nền kinh tế, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam đã có sự tiến bộ nhất định, nhưng so với Trung Quốc thì vẫn còn nhiều yếu kém về các khía cạnh như: sự phát triển ngành phụ trợ, hệ thống dịch vụ phục vụ đầu tư kinh doanh, chất

lượng nguồn nhân lực, yếu tố công nghệ kỹ thuật, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, cơ sở hạ tầng... Bài học thành công của Trung Quốc đang đặt ra nhiệm vụ nâng cao hơn nữa khả năng cạnh tranh của nền kinh tế cần tập trung vào các vấn đề sau: đẩy mạnh thực hiện mở cửa kinh tế, cải cách chế độ sở hữu, phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường pháp lý, nâng cao trình độ công nghệ kỹ thuật và quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và các ngành nghề, dịch vụ phụ trợ.

Hiện nay, chúng ta đang đứng trước thử thách lớn trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như hoạt động thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI. Sự gia nhập WTO và xu hướng toàn cầu hoá hiện nay đang làm biến đổi vai trò của các nhân tố quyết định thu hút và sử dụng dòng vốn FDI phù hợp với chiến lược phát triển: (1). Lợi thế về giá cả các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất cơ bản như lao động, tài nguyên thiên nhiên và các chính sách thu hút đầu tư khác không còn có ý nghĩa quyết định; (2). Khả năng cạnh tranh kinh tế của một quốc gia trở thành yếu tố quan trọng trong chiến lược thu hút và sử dụng FDI. Nhà nước cần dựa trên cơ sở cơ chế thị trường, phát huy vai trò điều tiết kinh tế tạo điều kiện thúc đẩy quá trình nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển hoạt động của đầu tư trực tiếp nước ngoài phục vụ mục đích phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.